

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	31.01.04	Toán	16.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
2	31.01.07	Toán	18.500	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
3	31.01.08	Toán	24.000	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
4	31.01.09	Toán	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
5	31.01.10	Toán	29.000	Nhất	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
6	31.01.11	Toán	16.500	K.Khích	10	THPT Chuyên Thái Nguyên
7	31.01.06	Toán	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Kạn
8	31.02.02	Vật lí	11.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
9	31.02.04	Vật lí	10.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
10	31.02.05	Vật lí	10.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
11	31.02.06	Vật lí	12.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
12	31.02.07	Vật lí	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
13	31.02.09	Vật lí	17.250	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
14	31.02.18	Vật lí	20.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
15	31.03.03	Hoá học	14.375	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
16	31.03.05	Hoá học	17.625	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
17	31.03.07	Hoá học	16.875	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
18	31.03.08	Hoá học	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
19	31.03.09	Hoá học	23.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
20	31.03.11	Hoá học	21.875	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
21	31.03.14	Hoá học	14.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
22	31.03.15	Hoá học	20.625	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
23	31.03.20	Hoá học	19.125	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
24	31.03.01	Hoá học	24.500	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Kạn
25	31.03.04	Hoá học	15.125	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Kạn
26	31.03.17	Hoá học	15.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Kạn
27	31.03.19	Hoá học	23.000	Nhì	12	THPT Chuyên Bắc Kạn
28	31.04.01	Sinh học	18.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	31.04.05	Sinh học	20.750	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
30	31.04.06	Sinh học	21.250	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
31	31.04.07	Sinh học	24.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
32	31.04.08	Sinh học	20.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
33	31.04.10	Sinh học	20.750	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
34	31.04.11	Sinh học	19.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
35	31.04.13	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
36	31.04.14	Sinh học	23.000	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
37	31.04.15	Sinh học	21.250	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
38	31.04.16	Sinh học	22.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
39	31.05.04	Tin học	20.850	Nhì	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
40	31.05.03	Tin học	16.592	Ba	10	THPT Chuyên Thái Nguyên
41	31.05.12	Tin học	14.230	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
42	31.05.15	Tin học	20.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
43	31.05.16	Tin học	16.185	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
44	31.05.17	Tin học	16.680	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
45	31.05.18	Tin học	14.090	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
46	31.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
47	31.06.02	Ngữ văn	13.750	Nhì	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
48	31.06.03	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
49	31.06.04	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
50	31.06.07	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
51	31.06.09	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
52	31.06.11	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
53	31.06.12	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
54	31.06.13	Ngữ văn	14.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
55	31.06.14	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
56	31.06.16	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	31.06.17	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
58	31.06.18	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
59	31.06.06	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Kạn
60	31.06.10	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Kạn
61	31.07.01	Lịch sử	16.000	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
62	31.07.03	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
63	31.07.05	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
64	31.07.06	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
65	31.07.11	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
66	31.07.15	Lịch sử	17.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
67	31.07.16	Lịch sử	14.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
68	31.07.18	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
69	31.07.19	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
70	31.07.20	Lịch sử	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
71	31.07.08	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Bắc Kạn
72	31.07.10	Lịch sử	14.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Bắc Kạn
73	31.08.03	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
74	31.08.06	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
75	31.08.07	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
76	31.08.09	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
77	31.08.10	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT Chuyên Thái Nguyên
78	31.08.11	Địa lí	15.750	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
79	31.08.12	Địa lí	15.500	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
80	31.08.13	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
81	31.08.17	Địa lí	15.250	Nhì	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
82	31.08.18	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
83	31.08.20	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Thái Nguyên
84	31.08.08	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Bắc Kạn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
-------	----------------	---------	------	------	-----	---------------

Danh sách này gồm 84 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	31.09.03	Tiếng Anh	3.40	3.80	5.70	1.30	14.200	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
2	31.09.05	Tiếng Anh	3.60	3.30	5.20	1.30	13.400	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
3	31.09.07	Tiếng Anh	3.40	3.20	5	1.30	12.900	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
4	31.09.09	Tiếng Anh	3.40	3.70	4.50	1.40	13.000	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
5	31.09.10	Tiếng Anh	2.50	3.90	5.50	1	12.900	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
6	31.09.12	Tiếng Anh	3.20	3.40	5.20	1.40	13.200	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
7	31.09.15	Tiếng Anh	3	3.50	5.50	1.10	13.100	K.Khích	THPT Võ Nhai
8	31.09.17	Tiếng Anh	3.30	4	4.90	1.50	13.700	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
9	31.09.18	Tiếng Anh	3.40	3.90	5.30	1.40	14.000	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
10	31.09.19	Tiếng Anh	3.50	3	5.10	1.20	12.800	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
11	31.09.01	Tiếng Anh	3.80	2.80	6.10	1.40	14.100	Ba	THPT Chuyên Bắc Kạn
12	31.09.06	Tiếng Anh	3.50	3	5.10	1.10	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Kạn
13	31.09.16	Tiếng Anh	3.10	3.40	5.30	1.50	13.300	K.Khích	THPT Chuyên Bắc Kạn
14	31.10.02	Tiếng Nga	4.27	1.40	7.10	1.005	13.775	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
15	31.10.03	Tiếng Nga	3.40	1.25	6.30	1.465	12.415	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
16	31.10.04	Tiếng Nga	4.95	1.70	7.55	1.495	15.695	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
17	31.10.06	Tiếng Nga	3.50	1.10	6.45	1.565	12.615	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
18	31.10.08	Tiếng Nga	3.10	1.40	6.80	1.520	12.820	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
19	31.10.09	Tiếng Nga	5.06	1.90	7.50	1.355	15.815	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
20	31.10.10	Tiếng Nga	4.40	1.40	6.35	1.290	13.440	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
21	31.10.11	Tiếng Nga	3.50	0.90	6.60	1.075	12.075	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
22	31.10.15	Tiếng Nga	3.10	1.80	6.10	1.010	12.010	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
23	31.11.02	Tiếng Pháp	7.05	2	2.60	1.75	13.400	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
24	31.11.03	Tiếng Pháp	6.50	3	2.45	1.25	13.200	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
25	31.11.07	Tiếng Pháp	6.20	2	1.90	1.55	11.650	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
26	31.11.09	Tiếng Pháp	6.10	2.75	3.30	1.3	13.450	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
27	31.11.10	Tiếng Pháp	6.75	2.75	2.50	1.375	13.375	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

31-TỈNH THÁI NGUYÊN

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
28	31.11.11	Tiếng Pháp	6.05	2.25	3.20	1.55	13.050	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
29	31.11.13	Tiếng Pháp	4.95	2.50	2.60	1.4	11.450	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
30	31.11.14	Tiếng Pháp	6.20	2	2.10	1.425	11.725	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
31	31.11.15	Tiếng Pháp	6.75	1	2.40	1.475	11.625	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
32	31.12.06	Tiếng Trung	3.80	3.65	5.10	1.35	13.900	K.Khích	THPT Chuyên Thái Nguyên
33	31.12.01	Tiếng Trung	3.45	4.70	7.30	1.4	16.850	Nhất	THPT Chuyên Thái Nguyên
34	31.12.02	Tiếng Trung	3.55	3.05	6.45	1.25	14.300	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
35	31.12.04	Tiếng Trung	3.05	3.85	6	1.25	14.150	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
36	31.12.05	Tiếng Trung	3.70	4.30	6.50	1.4	15.900	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
37	31.12.08	Tiếng Trung	3.70	2.70	6.30	1.5	14.200	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
38	31.12.09	Tiếng Trung	3.75	3.10	6.05	1.15	14.050	Ba	THPT Chuyên Thái Nguyên
39	31.12.10	Tiếng Trung	3.95	3.85	6.60	1.35	15.750	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
40	31.12.11	Tiếng Trung	4	4.35	6.80	1.25	16.400	Nhì	THPT Chuyên Thái Nguyên
41	31.12.15	Tiếng Trung	3.90	4.70	6.95	1.4	16.950	Nhất	THPT Chuyên Thái Nguyên

Danh sách này gồm 41 thí sinh